

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH**

Số: 414 /KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Kế Sách, ngày 17 tháng 12 năm 2024

**KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Kế Sách năm 2025**

**Phần I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024**

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU NĂM 2024

Thực hiện Chương trình hành động số 18-CTr/HU ngày 17/12/2021 của Huyện ủy Kế Sách về thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TU ngày 27/10/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 754/KH-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách về Ứng dụng công nghệ thông tin(CNTT) trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước và bảo đảm an toàn thông tin mạng huyện Kế Sách giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 717/KH-UBND, ngày 30/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách về việc triển khai thực hiện Đề án 03/ĐA-UBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trong năm 2024, UBND huyện Kế Sách đã triển khai thực hiện các mục tiêu năm 2024 như sau:

1. Phát triển Chính quyền số

a) Kết quả đạt được

- Hoàn thiện hạ tầng thông tin đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy vi tính, được kết nối internet bằng thông rộng phục vụ công tác. Đảm bảo an toàn cho việc trao đổi thư điện tử, văn bản điện tử theo quy định của UBND tỉnh; ngoài ra, các đơn vị đảm bảo trang bị phần mềm diệt virus cho máy tính đạt tối thiểu 70% (chưa đạt).

- 100% cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) khối chính quyền từ huyện đến xã có tài khoản thư công vụ tỉnh, thường xuyên đăng nhập sử dụng trên hệ thống Quản lý văn bản điều hành và thực hiện tốt việc khai thác sử dụng theo quy định.

- 99,03% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đối với cấp huyện; 98,7% đối với cấp xã.

- 100% CBCCVC có chức danh từ cấp Phó trưởng phòng và tương đương trở lên có chữ ký số và đồng thời thực hiện ký số.

- 100% văn bản hành chính (trừ văn bản mật) được gửi nhận bằng văn bản điện tử.

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn huyện.

- 100% báo cáo định kỳ của các cơ quan hành chính nhà nước được cập nhật, thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Cổng thông tin điện tử huyện được thường xuyên cập nhật thông tin đầy đủ, đăng bài thường xuyên trên tất cả các lĩnh vực, đăng tải thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công. Nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng tỷ lệ người theo dõi, truy nhập.

- 100% dịch vụ mạng di động 4G/5G được cung cấp trên toàn huyện.

- Triển khai có hiệu quả các phần mềm ứng dụng cơ bản để phục vụ tốt công tác lãnh đạo, quản lý điều hành của UBND huyện.

- 70% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

- Tỷ lệ người dân thực hiện các dịch vụ công trực tuyến và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tối thiểu đạt 50% so với tổng số hồ sơ tiếp nhận. *(chưa đạt)*.

- Đồng bộ 100% trạng thái và kết quả xử lý hồ sơ của hệ thống một cửa điện tử của huyện trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và Cổng Dịch vụ công Quốc gia phục vụ việc theo dõi, giám sát, đánh giá.

- Tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công của tỉnh.

- Đẩy mạnh việc thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính(TTHC) trực tuyến giữa các cơ quan nhà nước. Phần đầu, 100% hồ sơ TTHC giữa cơ quan nhà nước trong huyện được thực hiện trực tuyến.

- Nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ Bưu chính công ích trong quy trình giải quyết TTHC.

- Số hóa các di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp tỉnh trên địa bàn huyện, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền bằng mã QR code *(Chưa đạt)*.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Hạ tầng CNTT và trang thiết bị CNTT tuy đã được đầu tư nhưng đã xuống cấp, hư hỏng chưa đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Nhận thức của một bộ phận người dân về chuyển đổi số chưa cao, nên việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến còn thấp.

- Kinh phí chi cho công tác chuyển đổi số còn hạn chế.

2. Phát triển Kinh tế số

- Phát triển các mô hình, ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí, hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng dân cư như: Mô hình “Chợ thanh toán không dùng tiền mặt” tại Trung tâm Thương

mại thị trấn Kế Sách và Triển khai Mô hình “Chợ thanh toán không dùng tiền mặt” tại khu vực chợ Cái Côn, thị trấn An Lạc Thôn.

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn huyện tuyên truyền, quảng bá sản phẩm, thúc đẩy tiêu thụ 100% sản phẩm OCOP của huyện trên môi trường mạng, tích hợp thông tin 10 sản phẩm OCOP tham gia các sàn thương mại điện tử của tỉnh Sóc Trăng trên trang <https://soctrangtrade.vn> và các trang <https://ehtx.soctrang.gov.vn>, <https://mangnhanong.vn>,...

- 100% CBCCVC các cơ quan, đơn vị tiên phong thực hiện thanh toán các dịch vụ thiết yếu như: tiền điện, tiền nước sinh hoạt, tiền cước phí viễn thông, ... bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt để tạo sức lan tỏa, thúc đẩy sự tham gia của người dân.

3. Phát triển Xã hội số

a) Kết quả đạt được

- 100% CBCCVC cài đặt ứng dụng “Công dân Sóc Trăng”, có đăng ký tài khoản ứng dụng trên để sử dụng, khuyến khích cài đặt các ứng dụng khác của tỉnh; cài đặt, đăng ký và kích hoạt sử dụng VNeID mức 2.

- Phần đầu 50% người dân cài đặt ứng dụng di động “Công dân Sóc Trăng”, có đăng ký tài khoản ứng dụng trên để sử dụng, khuyến khích cài đặt các ứng dụng khác của tỉnh; Trên 50% người dân có cài đặt, đăng ký và kích hoạt sử dụng VNeID mức 2 (*chưa đạt*).

- 100% CBCCVC tiên phong đăng ký tài khoản nộp hồ sơ trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia và cổng tỉnh, có 100% CBCCVC thực hiện nộp hồ sơ TTHC trực tuyến (khi có phát sinh hồ sơ); 100% CBCCVC có tài khoản ngân hàng, có sử dụng các ứng dụng thanh toán trực tuyến, như: VNPT Money, Viettel Money, MobiFone Money, Agribank E-Mobile Banking, ...

- Tỷ lệ phủ sóng mạng di động 4G/5G trên địa bàn toàn huyện đạt 100%.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Hạ tầng viễn thông - internet chưa đồng bộ.

- Một bộ phận người dân chưa có điện thoại thông minh và có điện thoại thông minh nhưng không đủ điều kiện để cài đặt các nền tảng số; đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2024

1. Thể chế số

Ban hành 02 Quyết định và 06 Kế hoạch, cụ thể như sau:

- Quyết định số 96/QĐ-UBND 18/7/2024 Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách về kiện toàn Ban chỉ đạo Chuyển đổi số huyện Kế Sách;

- Quyết định số 1175/QĐ-BCĐCĐS 18/7/2024 Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách về ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện Kế Sách;

- Kế hoạch số 474/KH-UBND ngày 16/4/2024 của UBND huyện Kế Sách về Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Kế Sách năm 2024;

- Kế hoạch số 599/KH-UBND ngày 17/5/2024 của UBND huyện Kế Sách về tuyên truyền Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Kế Sách năm 2024;

- Kế hoạch số 600/KH-UBND ngày 17/5/2024 của UBND huyện Kế Sách về kiểm tra công tác Chuyển đổi số huyện Kế Sách năm 2024;

- Kế hoạch số 706/KH-UBND ngày 28/6/2024 của UBND huyện Kế Sách về hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Kế Sách năm 2024;

- Kế hoạch số 1023/KH-UBND ngày 29/7/2024 của UBND huyện Kế Sách thực hiện Dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn huyện năm 2024;

- Kế hoạch số 1342/KH-UBND ngày 27/9/2024 của UBND huyện Kế Sách về triển khai thực hiện Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 11/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng năm 2024 trên địa bàn huyện Kế Sách.

2. Nhận thức số

Đẩy mạnh công tác truyền thông về chuyển đổi số để nâng cao nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân trong việc triển khai, thực hiện chuyển đổi số một cách đồng bộ, hiệu quả.

Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách đã ban hành Kế hoạch số 599/KH-UBND ngày 17/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách về tuyên truyền Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Kế Sách năm 2024. Kết quả:

+ Xây dựng 01 chuyên mục Chuyển đổi số tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử huyện, có ít nhất 01 tin, bài/ tháng.

+ Tuyên truyền thông qua mạng xã hội, các cuộc hội nghị, cuộc họp tại cơ quan, đơn vị, các cuộc họp của chi, tổ, hội, sinh hoạt cộng đồng, Tổ công nghệ số cộng đồng Kết quả tuyên truyền được 168 cuộc với 85.050 lượt người tham dự và nghe.

+ Tính đến ngày 18/11/2024, có 32 chuyên mục phát thanh về chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh huyện. Tần số phát sóng: 02 lần/01 tuần, thời lượng 5-7 phút/lần.

Đồng thời, hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia và Ngày Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng năm 2024 Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức các hoạt động trên địa bàn, cụ thể như sau:

+ Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cơ sở: xây dựng 03 chuyên mục

phát thanh về chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh huyện. Tần số phát sóng: 02 lần/01 tuần (Thời lượng 7 phút/ lần) với nội dung như: Tuyên truyền về chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác chuyển đổi số, Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày Chuyển đổi số của tỉnh, huyện; Tuyên truyền về những mô hình hay, việc làm thiết thực của các cơ quan, địa phương, doanh nghiệp, Tổ công nghệ số cộng đồng về chuyển đổi số; Quảng bá các giá trị, lợi ích của việc xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; Truyền thông về thành tựu của tỉnh, huyện trong công tác chuyển đổi số gắn với những kết quả cụ thể, nhất là trong công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số; hoạt động thương mại điện tử; hoạt động chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội,...

+ Tuyên truyền trực quan và trực tuyến về Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày Chuyển đổi số tỉnh năm 2024: Thực hiện treo 29 băng rôn, diện tích 139,2m² với chủ đề “*Phổ cập hạ tầng số và sáng tạo ứng dụng số để phát triển kinh tế số - Động lực mới cho tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động*”; đặt banner tuyên truyền trên Cổng Thông tin điện tử huyện; Tuyên truyền qua Tổ công nghệ số cộng đồng, Tổ công tác triển khai Đề án 06, các cuộc họp, sinh hoạt động đồng.... Kết quả tuyên truyền được 172 cuộc với 20.231 lượt người tham dự và nghe.

+ Hưởng ứng phong trào thi đua ngày “Dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến (Từ ngày 01/10/2024 đến 05/10/2024)”. Kết quả thực hiện: Cấp huyện: Tổng số hồ sơ tiếp nhận và trả hồ sơ là 181. kết quả 68 hồ sơ giải quyết trước hạn, 113 hồ sơ đang giải quyết. Trong đó hồ sơ trực tuyến là 155 hồ sơ, có 59 hồ sơ phát sinh phí, lệ phí (thanh toán trực tuyến 0 hồ sơ); Cấp xã: Tổng số hồ sơ tiếp nhận và trả hồ sơ là 280. kết quả 272 hồ sơ giải quyết trước hạn, 08 hồ sơ đang giải quyết. Trong đó hồ sơ trực tuyến là 276 hồ sơ, có 250 hồ sơ phát sinh phí, lệ phí (thanh toán trực tuyến 37 hồ sơ).

+ Tổ chức ra quân tại 86 ấp trên địa bàn huyện, hỗ trợ người dân sử dụng sản phẩm, dịch vụ, nền tảng số như: Hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt; Hướng dẫn mua bán trên sàn thương mại điện tử Việt Nam; Bảo vệ bản thân và gia đình trên môi trường mạng; Tìm kiếm thông tin hiệu quả trên Internet... Kết quả có 525 công dân được cài đặt định danh điện tử, 525 công dân có tài khoản dịch vụ công trực tuyến, cài đặt ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt 435, cài đặt ứng dụng Công dân Sóc Trăng 737 tài khoản, 01 sản phẩm OCOP là Sầu riêng Dona của Hợp tác xã Trinh Lợi được quảng bá trên nền tảng Sàn thương mại điện tử Sóc Trăng.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được

- Phối hợp rà soát các vùng lõm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động đạt tối thiểu đạt 40 Mbps.

- Hạ tầng băng rộng cáp quang, kết nối internet đã được phủ đến 13/13 xã, thị trấn; 100% dịch vụ mạng di động 4G được cung cấp trên toàn huyện ; Đầy

mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn thị trấn.

- UBND huyện sử dụng đường truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh; 11/13 xã có sử dụng mạng nội bộ và 02/13 xã sử dụng mạng internet.

- Duy trì hoạt động thường xuyên Hệ thống loa truyền thanh thông minh đã được đầu tư 67 cụm trên địa bàn các xã, thị trấn.

b) Hạn chế: Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số còn thiếu và chưa đồng bộ.

4. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được

- Triển khai sử dụng và khai thác các cơ sở dữ liệu dùng chung.

- Triển khai thực hiện quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa cấp huyện và cấp xã theo lộ trình.

- Phối hợp triển khai kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông, Bộ Thông tin và Truyền thông đảm bảo thực hiện nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

b) Hạn chế: Một số CSDL khi thực hiện khai thác sử dụng vẫn còn chậm kết nối, bị lỗi.

5. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được

+ Cấp huyện có bố 02 vị trí công chức phụ trách: 01 công chức kiêm nhiệm công nghệ thông tin thuộc Văn phòng HĐND và UBND huyện, 01 công chức phụ trách Thông tin - Truyền thông và Chuyển đổi số thuộc Phòng Văn hóa và Thông tin huyện. Cấp xã có bố trí công chức phụ trách/ kiêm nhiệm về công nghệ thông tin/ chuyển đổi số tại các xã, thị trấn : 13/13.

- Cử nhân sự tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, an toàn thông tin cho CBCCVC và các đối tượng có liên quan; lập danh sách tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho CBCCVC, hội viên của các Hội, đoàn thể các cấp và tổ công nghệ số cộng đồng đảm bảo năng lực, chuyên môn trong hỗ trợ, hướng dẫn người dân tiếp cận và thực hiện các nội dung về chuyển đổi số thông qua hình thức trực tuyến sử dụng các ứng dụng, các nền tảng học trực tuyến do Bộ thông tin và Truyền thông tổ chức khi Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản thông báo triệu tập nhằm kịp thời hỗ trợ, bổ sung các kỹ năng theo yêu cầu. Kết quả, đã cử 88 CBCCVC tham dự các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức

- Phối hợp triển khai kiểm tra, đánh giá năng lực đối với cán bộ, công chức làm việc tại UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện nhằm đánh giá khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng sử dụng các phần mềm dùng chung, thực

hiện dịch vụ công trực tuyến. Qua đó, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCC trong quá trình thực hiện chuyển đổi số.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động của các Tổ Công nghệ số cộng đồng, hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, thiết yếu như: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mua sắm trực tuyến, thanh toán trực tuyến, tự bảo vệ trên không gian mạng và sử dụng nền tảng số đặc thù của địa phương.

b) Hạn chế: Nguồn lực về thông tin truyền thông và chuyển đổi số ở các cơ quan hành chính nhà nước còn hạn chế về số lượng và chất lượng.

6. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được

- Phối hợp triển khai thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

- Triển khai ứng dụng chữ ký số trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh cho các giao dịch điện tử trên môi trường mạng.

- Hiện các máy tính UBND huyện đang quản lý và sử dụng kết nối với mạng nội bộ đều được cài đặt các Hệ điều hành Windows 10 trở lên, có máy có cài đặt phần mềm diệt virus kèm theo. Ngoài ra, đối với các máy tính có kết nối Internet, đều được cài đặt phần mềm Kaspersky Standard, thường xuyên sử dụng công cụ Kaspersky Removal Tool (phiên bản Portable) rà quét, diệt mã độc trên máy tính.

- Triển khai cài đặt thử nghiệm phần mềm đảm bảo ATANTT phục vụ kết nối Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư. Căn cứ công văn số 1284/STTTT-TTCNS ngày 7/6/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông, về việc Triển khai cài đặt thử nghiệm phần mềm đảm bảo ATANTT phục vụ kết nối Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư. UBND huyện cử công chức trong đơn vị làm đầu mối phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông triển khai cài đặt cho tất cả các máy tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và cấp xã, có tổng cộng 64 máy tính được cài đặt. Hiện tại, chưa phát hiện trường hợp mã độc xâm nhập làm mất an toàn an ninh thông tin trên hệ thống máy tính

b) Tồn tại, hạn chế:

- Nguồn nhân lực về an toàn thông tin trong các phòng, ban ngành và UBND cấp xã còn thiếu và yếu.

- Kinh phí chi cho an toàn thông tin chưa có, việc lập hồ sơ đảm an toàn hệ thống thông tin để trình tỉnh phê duyệt cấp độ chưa thực hiện được.

7. Chính quyền số

- Huyện có 280 máy vi tính và 126 máy in chiếm tỉ lệ khoảng 80% cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính làm việc (trong đó khối QLNN cấp huyện chiếm tỷ lệ 100% cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính làm việc; khối QLNN xã, thị trấn chiếm tỷ lệ 100% cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính

làm việc). Số lượng máy vi tính xuống cấp, hư hỏng là 162 máy, máy in xuống cấp, hư hỏng là 38 máy;

- 01 đơn vị kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức khối chính quyền từ huyện đến xã có tài khoản mail công vụ (...@soctrang.gov.vn) và tài khoản trên hệ thống Quản lý văn bản điều hành và thực hiện tốt việc khai thác sử dụng theo quy định.

- 100% lãnh đạo các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện, UBND huyện và UBND cấp xã được cấp và sử dụng chữ ký số trong hoạt động công vụ.

- Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước đạt 100%; Số lượng, tỷ lệ văn bản có ký số gửi liên thông trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành là cấp huyện là 7067/10012 văn bản, chiếm tỷ lệ 70,58%, cấp xã là 3394/4609 văn bản, chiếm tỷ lệ 73,63% (số liệu tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 20/11/2024); Tỷ lệ cán bộ, công chức được cấp tài khoản sử dụng thường xuyên (cấp huyện là 113/148 tài khoản, đạt 76,35%; cấp xã là 104/148 tài khoản, đạt 70,27%).

- Trên 50% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được cập nhật, thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Duy trì có hiệu quả Cổng thông tin điện tử huyện để cung cấp các văn bản chỉ đạo điều hành, thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tính đến ngày 20/11/2024 có 132 tin, bài trên Cổng thông tin điện tử huyện với 148390 lượt truy cập.

- Trên cơ sở Quyết định công bố của Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện hiện có 271 TTHC và cấp xã có 129 TTHC. Việc cập nhật, niêm yết, công khai TTHC được UBND tỉnh công bố tại Bộ phận Một cửa của huyện, các xã, thị trấn được thực hiện thường xuyên, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức đến tìm hiểu, giám sát và thực hiện TTHC. Đồng thời, phối hợp với đơn vị liên quan đăng tải công khai số TTHC trên Cổng Thông tin điện tử của huyện, cụ thể:

- Tính đến ngày 20/11/2024, Bộ phận Một cửa huyện tiếp nhận xử lý tổng số 7624 hồ sơ, kết quả giải quyết trước hạn 6096 hồ sơ, đúng hạn 01 hồ sơ, trễ hạn 187, tồn còn hạn 1266, tồn trễ hạn 104 hồ sơ. Trong đó hồ sơ trực tuyến 2621 hồ sơ, trong đó hồ sơ trực tuyến đúng quy định 1084. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ phát sinh là 34,37%; Thực hiện số hoá 142/1044 hồ sơ phát sinh, tỷ lệ 13,6%; Thanh toán trực tuyến 19/1915 hồ sơ phát sinh, tỷ lệ 0,99%.

- Tính đến ngày 20/11/2024, Bộ phận Một cửa cấp xã tiếp nhận giải quyết được 19834 hồ sơ trong đó đã giải quyết trước hạn 19694, đúng hạn 4 hồ sơ, trễ hạn 91, tồn còn hạn 42, tồn trễ hạn 03 hồ sơ. Trong đó hồ sơ trực tuyến 9980 hồ sơ, trong đó hồ sơ trực tuyến đúng quy định 8002 hồ sơ; Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến

trên tổng số hồ sơ phát sinh là 50,31%; Thực hiện số hoá 2703/5910 hồ sơ phát sinh, tỷ lệ 45,73%; Thanh toán trực tuyến 1391/5128 hồ sơ phát sinh, tỷ lệ 27,12%.

- Triển khai có hiệu quả hệ thống truyền hình trực tuyến tại cấp huyện và các xã, thị trấn.

8. Kinh tế số, Xã hội số

- Tại 13/13 xã, thị trấn đã thành lập /kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng đạt tỷ lệ 86 tổ/86 ấp, với 556 thành viên.

- Triển khai thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tuyên truyền, quảng bá sản phẩm, thúc đẩy tiêu thụ trên môi trường mạng, tích hợp thông tin sản phẩm hàng hóa lên sàn thương mại điện tử; tuyên truyền, đẩy mạnh các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt. Kết quả thực hiện có 10/10 sản phẩm OCOP tham gia các sàn thương mại điện tử đạt tỷ lệ 100%.

- Việc ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng được triển khai thực hiện.

- 100% tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị tiên phong thực hiện thanh toán các dịch vụ thiết yếu như: tiền điện, tiền nước sinh hoạt, tiền cước phí viễn thông, ... bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt để tạo sức lan tỏa, thúc đẩy sự tham gia của người dân.

- 100% cán bộ, công chức cài đặt ứng dụng “Công dân Sóc Trăng” và có đăng ký tài khoản sử dụng.

- 100% cán bộ, công chức cài đặt, đăng ký và kích hoạt sử dụng VneID mức 2.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức tiên phong đăng ký tài khoản nộp hồ sơ trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia và cổng tỉnh, có 80% cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nộp hồ sơ TTHC trực tuyến (khi có phát sinh hồ sơ); trên 80% cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản ngân hàng, có sử dụng các ứng dụng thanh toán trực tuyến, như: Agribank E-Mobile Banking; Viettel Money; VNPT Pay...

- Số lượt các buổi tập huấn, đào tạo kỹ năng số cho người dân trên địa bàn là 99.

- Tổng số người dân trên địa bàn được đào tạo kỹ năng số là 43420 người.

- Phối hợp với VNPT, Viettel đã thực hiện chuẩn hoá thông tin cho 13.639 thuê bao (Vinaphone là 10.214 thuê bao, tỷ lệ 98,08%; Viettel là 3.425 thuê bao, tỷ lệ 98,1%); Cài đặt ví điện tử là 14.017 (VNPT Money là 3.455, Viettel Money là 10.562); Cài đặt chữ ký số cá nhân là 2.984 (SmarCA là 1.400, Mysign là 1.584)...

9. Kết quả thực hiện chuyển đổi số ở một số lĩnh vực khác

*** Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo:**

Tiếp tục triển khai hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị; khai thác và sử dụng tối đa lợi ích của phần mềm quản lý học tập (LMS) trong kết nối và tổ chức các hoạt động giáo dục giữa nhà trường, giáo viên với học sinh (và phụ huynh) trong việc hướng dẫn học sinh tự học, kiểm tra đánh giá. Các đơn vị sử dụng các phần mềm có sẵn như Zoom, Google Meet, hệ thống LMS của các phần mềm quản lý trường học... để tổ chức dạy học trực tuyến, hiện có 36/37 đơn vị (tiểu học 22/23, THCS 14/14) dạy học trực tuyến kết hợp ôn tập, sinh hoạt nhóm, câu lạc bộ.

- Tiếp tục phát triển học liệu số bao gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; hướng dẫn giáo viên tham khảo các học liệu số giới thiệu từ Bộ GDĐT và các nguồn tài nguyên tin cậy trên Internet. Kết quả: Tổng số học liệu hiện có tại các cơ sở giáo dục phổ thông: 260 học liệu, cụ thể: Tiểu học: 125 học liệu, THCS: 135 học liệu. Có 53/53 đơn vị đều soạn giảng bằng phần mềm.

- Triển khai dạy bắt buộc môn tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 cho trường tiểu học; toàn huyện có 200 lớp/5.414/8.322 học sinh học Tin học (từ lớp 3 đến lớp 5), chiếm tỷ lệ 65,05%.

- Các trường tiểu học, THCS có điều kiện tổ chức thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính đảm bảo khách quan, công bằng và có độ tin cậy. Kết quả: có 20/37 đơn vị (tiểu học 6/23, THCS 14/14) triển khai kiểm tra, đánh giá trên phòng máy tính.

- Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM); trong năm học 2023-2024 đã triển khai 197 bài STEM (Tiểu học 78, THCS 119 bài).

- Triển khai dự án của tổ chức The Dariu Foundation (Quỹ Dariu): Huyện có 02 trường THCS tham gia dự án của Quỹ Dariu (THCS Nhơn Mỹ, PTDTNT THCS huyện Kế Sách); các trường được dự án cho mượn máy tính xách tay thì chú ý việc bảo quản, khai thác đúng mục đích, đạt hiệu quả trong quá trình sử dụng và tích cực tham gia các hoạt động của Quỹ Dariu.

- Triển khai học bạ điện tử: Triển khai, thực hiện Kế hoạch số 985/KH-SGDĐT ngày 08/4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai Học bạ số cấp Tiểu học; Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức 02 hội nghị tập huấn, một hội nghị triển khai Kế hoạch số 985/KH-SGDĐT của Sở Giáo dục và Đào tạo và 1 hội nghị phối hợp với nhà cung cấp phần mềm tập huấn vận hành phần mềm học bạ điện tử cho 27/27 đơn vị có cấp tiểu học. Đến nay 27/27 đơn vị có cấp tiểu học đã triển khai nhập liệu học bạ điện tử cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 4.

- Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt: Trong năm đã tổ chức triển khai, tập huấn cho 53/53 đơn vị với 106 CB-GV về thanh toán học phí, các khoản thu không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt. Hiện có 01 đơn vị đã thực hiện hoàn toàn không dùng tiền mặt đối với phụ huynh (trường Phổ thông DTNT THCS huyện Kế Sách).

*** Lĩnh vực nông nghiệp:**

- Triển khai các nền tảng số tích hợp với thiết bị IoT hỗ trợ nông dân kỹ thuật canh tác, sản xuất, truy xuất nguồn gốc, tiêu thụ nông sản đến các Hợp tác xã, Tổ hợp tác. Đẩy mạnh ứng dụng các thành quả cuộc CMCN 4.0 vào sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất lao động, giảm giá thành.

- Cung cấp cơ sở dữ liệu để xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về nông nghiệp trên cơ sở cập nhật đầy đủ các thông tin quản lý, thông tin thu thập trong quá trình tương tác với người dân, doanh nghiệp, thông tin từ các thiết bị IoT để hình thành nên cơ sở dữ liệu cho nền tảng số của hệ sinh thái nông nghiệp.

- Hỗ trợ hướng dẫn đưa lên sàn thương mại điện tử 10 sản phẩm OCOP lên các sàn thương mại điện tử đạt tỷ lệ 100% như: Nấm Linh chi đỏ, Nước yến Đông trùng hạ thảo của Công ty TNHH MTV Thiên Vạn Tường; Bưởi Da xanh của Hợp tác xã Thành Công và Hợp tác xã Bưởi 5 Roi - Da Xanh Kế Thành; Vú Sữa Tím của Hợp tác xã Nông Nghiệp Trinh Phú; Vú Sữa Tím Tứ Quý của Hợp tác xã Nông Nghiệp Ứng dụng công nghệ cao và Du lịch cộng đồng Mỹ Phước; Vú Sữa Bơ Hồng của Hợp tác xã Nông nghiệp Xóm Đồng 2; Vú Sữa Tím của Hợp tác xã Quyết Thắng; Sầu Riêng Dona của Hợp tác xã Trinh Lợi ấp 5B; Bánh Pía của Hộ gia đình Công Thành Tâm ấp 7 Ba Trinh.

*** Lĩnh vực du lịch:**

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng thực hiện rà soát cung cấp thông tin, số liệu để xây dựng hệ thống dữ liệu ngành du lịch tỉnh Sóc Trăng. Số hóa toàn bộ các dữ liệu về danh lam, thắng cảnh, văn hóa truyền thống, khu du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch, hướng dẫn viên du lịch, doanh nghiệp lữ hành, cơ sở lưu trú, khách du lịch. Các dữ liệu này được chia sẻ trên kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, làm dữ liệu nền cho nền tảng số Du lịch thông minh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và du khách đến tham quan, du lịch. Kết quả trên hệ thống du lịch thông tin của tỉnh thực hiện được 05 điểm gồm 01 danh lam thắng cảnh Cồn Mỹ Phước, 02 di tích – lịch sử cấp tỉnh (Chùa Giồng Đá, Đình thần Nguyễn Trung Trực), 01 cơ sở lưu trú (Khách sạn Nina) và 01 cơ sở tín ngưỡng-tôn giáo (Chùa Bến Đồi).

*** Lĩnh vực Y tế:**

- Liên thông dữ liệu khám chữa bệnh lên cổng giám định BHYT với tổng số 139.371 lượt (Trung tâm Y tế: 71.381 lượt, các Trạm Y tế: 67.990 lượt)

- Trang bị máy quét mã Qrcode phục vụ cho bệnh nhân đến khám chữa bệnh bằng CCCD với tổng số 14.939 lượt tại Trung tâm Y tế và 24.241 lượt tại các Trạm Y tế;

- Phối hợp với VNPT Sóc Trăng tạo 187.973 tài khoản hồ sơ sức khỏe cho người dân đến khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế và các Trạm Y tế;

- Triển khai hệ thống đặt lịch khám online cho người dân đến khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Kế Sách;

- Liên thông đơn thuốc lên cổng đơn thuốc quốc gia với tổng số 54.669 đơn thuốc, giúp người dân có thể tự tra cứu, theo dõi và kiểm tra đơn thuốc.

- Thực hiện đăng ký chữ ký số cho 292/292 cán bộ viên chức tại Trung tâm Y tế và các Trạm Y tế.

* Lĩnh vực An sinh xã hội

Thực hiện triển khai và cập nhật dữ liệu trên phần mềm an sinh xã hội:

	Lao động - việc làm	Phần mềm ASXH (cập nhật Hộ nghèo, cận nghèo)		Người có công	Bảo trợ xã hội	Trẻ em
		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo			
Thực tế	85.713 người	2.666 hộ 10.298 khẩu	4.932 hộ 19.495 khẩu	1.247 suất	5.735 suất	26. 539 trẻ
Hệ thống	85.713 người	2.666 hộ 10.298 khẩu	4.932 hộ 19.495 khẩu	1.247 suất	5.735 suất	20. 335 trẻ

Phần II NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 27/10/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về việc Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 06/10/2022 Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 27/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 12/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 27/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một

cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Căn cứ Công văn số 2577/STTTT-CDS, ngày 04/11/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025;

- Căn cứ Chương trình hành động số 18-CTr/HU, ngày 17/12/2021 của Huyện ủy Kế Sách về thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TU, ngày 27/10/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Kế hoạch số 754/KH-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách về Ứng dụng công nghệ thông tin(CNTT) trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước và bảo đảm an toàn thông tin mạng huyện Kế Sách giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ Kế hoạch số 717/KH-UBND, ngày 30/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách về việc triển khai thực hiện Đề án 03/ĐA-UBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Kế hoạch số 168/KH-UBND, ngày 22/3/2023 của UBND huyện Kế Sách về phát động phong trào thi đua Chuyển đổi số huyện Kế Sách, giai đoạn 2021-2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xác định nhiệm vụ chuyển đổi số là trọng tâm, làm cơ sở đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, vận hành hệ thống quản lý nhà nước và xã hội, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin góp phần nâng cao chất lượng đời sống xã hội và sự hài lòng của người dân; thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên địa bàn huyện theo chủ trương, lộ trình, hướng dẫn của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, tỉnh và điều kiện thực tế tại huyện.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phát triển Chính quyền điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước. Cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến ở mức độ cao và nâng cao hiệu quả giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp; công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phát triển Chính quyền số

- Hoàn thiện hạ tầng thông tin đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy vi tính, được kết nối internet bằng thông rộng phục vụ công tác. Đảm bảo an toàn cho việc trao đổi thư điện tử, văn

bản điện tử theo quy định của UBND tỉnh; 90% trở lên máy tính của công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh được cài đặt phần mềm phòng chống, mã độc.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức khối chính quyền từ huyện đến xã có tài khoản thư công vụ tỉnh, thường xuyên đăng nhập sử dụng trên hệ thống Quản lý văn bản điều hành và thực hiện tốt việc khai thác sử dụng theo quy định.

- 90% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đối với cấp huyện; 70% đối với cấp xã.

- 100% CBCCVN có chức danh từ cấp Phó trưởng phòng và tương đương trở lên có chữ ký số và đồng thời thực hiện ký số.

- 100% văn bản hành chính (trừ văn bản mật) được gửi nhận bằng văn bản điện tử.

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn huyện.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Phân đầu 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và các hệ thống thông tin của cơ quan.

- Cổng thông tin điện tử huyện được thường xuyên cập nhật thông tin đầy đủ, đăng bài thường xuyên trên tất cả các lĩnh vực, đăng tải thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công. Nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng tỷ lệ người theo dõi, truy nhập.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt tỷ lệ 90% thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến trung bình đạt 70%.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.

- Tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công của tỉnh.

- Đẩy mạnh việc thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) trực tuyến giữa các cơ quan nhà nước. Phân đầu, 100% hồ sơ TTHC giữa cơ quan nhà nước trong huyện được thực hiện trực tuyến.

- Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%.

- Số hóa các di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp tỉnh trên địa bàn huyện, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền bằng mã QR code.

b) Phát triển Kinh tế số

- Phát triển các mô hình, ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí, hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng dân cư.

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn huyện tuyên truyền, quảng bá sản phẩm, thúc đẩy tiêu thụ 100% sản phẩm OCOP của huyện trên môi trường mạng, tích hợp thông tin sản phẩm hàng hóa lên sàn thương mại điện tử; tuyên truyền, đẩy mạnh các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt.

- Phấn đấu 100% CBCCVC các cơ quan, đơn vị tiên phong thực hiện thanh toán các dịch vụ thiết yếu như: tiền điện, tiền nước sinh hoạt, tiền cước phí viễn thông, ... bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt để tạo sức lan tỏa, thúc đẩy sự tham gia của người dân.

- Phấn đấu trên 80% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.

- Phấn đấu 100% trung tâm thương mại trên địa bàn huyện; 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách.

c) Phát triển Xã hội số

- 100% CBCCVC cài đặt ứng dụng “Công dân Sóc Trăng”, có đăng ký tài khoản ứng dụng trên để sử dụng, khuyến khích cài đặt các ứng dụng khác của tỉnh; cài đặt, đăng ký và kích hoạt sử dụng VNeID mức 2.

- Phấn đấu 50% người dân cài đặt ứng dụng di động “Công dân Sóc Trăng”, có đăng ký tài khoản ứng dụng trên để sử dụng, khuyến khích cài đặt các ứng dụng khác của tỉnh; Trên 50% người dân có cài đặt, đăng ký và kích hoạt sử dụng VNeID mức 2.

- 100% CBCCVC tiên phong đăng ký tài khoản nộp hồ sơ trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia và cổng tỉnh, có 100% CBCCVC thực hiện nộp hồ sơ TTHC trực tuyến (khi có phát sinh hồ sơ); 100% CBCCVC có tài khoản ngân hàng, có sử dụng các ứng dụng thanh toán trực tuyến, như: VNPT Money, Viettel Money, MobiFone Money, Agribank E-Mobile Banking, ...

- Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh và bảng điểm số đối với sinh viên đạt 100%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn huyện triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 100%.
- Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%.
- Phần đầu tối thiểu 50% dân số có tài khoản thanh toán điện tử.
- Phần đầu tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép giao dịch khác đạt 80%.
- Phần đầu tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%.
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 60%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 40%.
- 100% các xóm, ấp đang lờm sóng được phủ sóng băng rộng di động.
- 100% dịch vụ mạng di động 4G/5G được cung cấp trên toàn huyện.
- 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

Tập trung các hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số, các thành viên Ban Chỉ đạo, cơ quan thường trực để tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của trên địa bàn huyện.

2. Thể chế, chính sách số

Xây dựng các văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện đảm bảo các mục tiêu Kế hoạch đã đề ra.

3. Hạ tầng số

- Phối hợp rà soát các vùng lờm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động đạt tối thiểu đạt 40 Mbps.
- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng, kết nối số cho người dân; phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các ấp, khu vực người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh; tăng tỷ lệ người dùng Internet, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa.

- Huy động nguồn lực triển khai các giải pháp để phổ cập điện thoại di động thông minh trên địa bàn theo lộ trình mỗi hộ gia đình có một thiết bị thông minh, mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh.

4. Nhân lực số

- Rà soát quy hoạch, bố trí sắp xếp nhân lực đảm nhiệm từ huyện, đến xã. Cử nhân sự tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, an toàn thông tin cho CBCCVC và các đối tượng có liên quan; lập danh sách tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho CBCCVC, hội viên của các Hội, đoàn thể các cấp và tổ công nghệ số cộng đồng đảm bảo năng lực, chuyên môn trong hỗ trợ, hướng dẫn người dân tiếp cận và thực hiện các nội dung về chuyển đổi số thông qua hình thức trực tuyến sử dụng các ứng dụng, các nền tảng học trực tuyến do Bộ thông tin và Truyền thông tổ chức khi Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản thông báo triệu tập nhằm kịp thời hỗ trợ, bổ sung các kỹ năng theo yêu cầu.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động của các Tổ Công nghệ số cộng đồng, hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, thiết yếu như: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mua sắm trực tuyến, thanh toán trực tuyến, tự bảo vệ trên không gian mạng và sử dụng nền tảng số đặc thù của địa phương.

5. Phát triển dữ liệu số

- Triển khai thực hiện quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa cấp huyện và cấp xã theo lộ trình.

- Phối hợp triển khai kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông, Bộ Thông tin và Truyền thông đảm bảo thực hiện nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

6. An toàn thông tin mạng

- Hoàn thành hồ sơ đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của huyện.

- Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ, biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp tại Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai áp dụng giải pháp phòng chống mã độc quản trị tập trung theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân. Triển khai hướng dẫn, yêu cầu thực hiện nghiêm các quy định về bảo mật thông tin trong quản lý nhà nước, an toàn thông tin.

- Cử nhân sự tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về an toàn thông tin do các cơ quan chuyên môn cấp trên tổ chức để nâng cao năng lực, khả năng xử lý khi có sự cố xảy ra.

7. Chính quyền số

- Tiếp tục triển khai công tác số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong

tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; triển khai cung cấp thông tin, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn trình trong phạm vi quản lý của mình theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

- Phối hợp triển khai hiệu quả sử dụng chữ ký số cá nhân để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đảm bảo giá trị pháp lý của các văn bản điện tử; triển khai tích hợp chữ ký số vào Cổng dịch vụ công của tỉnh để người dân, doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng.

- Khai thác sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, các phần mềm chuyên ngành...đảm bảo kết nối đồng bộ với các cơ sở dữ liệu và đáp ứng lộ trình triển khai Chính phủ điện tử.

- Triển khai kênh giao tiếp số hợp nhất kết nối giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp để mang lại trải nghiệm thuận tiện, nhất quán và xuyên suốt cho người dân, doanh nghiệp khi giao tiếp với chính quyền qua các hình thức khác nhau (ứng dụng di động, cổng thông tin điện tử, tổng đài, mạng xã hội).

8. Kinh tế số và xã hội số

- Hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn. 100% các sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm”(OCOP) có mặt trên các sàn thương mại điện tử.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn sử dụng các nền tảng số chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đồng thời, phối hợp tỉnh triển khai hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số bằng công cụ do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp tại địa chỉ <https://dbi.gov.vn/>.

- Hỗ trợ và nâng cao chất lượng chuyển đổi số cho các ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao năng suất lao động, đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh để góp phần tăng trưởng GRDP trên địa bàn.

- Tuyên truyền, thúc đẩy người dân thiết lập tài khoản VNeID, đặc biệt là định danh mức độ 2. Rà soát các hệ thống thông tin phục vụ người dân; tích hợp sử dụng tài khoản VNeID để đăng nhập, sử dụng dịch vụ số.

- Triển khai thực hiện đảm bảo các mục tiêu về hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế địa phương. Phối hợp với các ngân hàng, tổ chức tín dụng hỗ trợ mở tài khoản thẻ, ví điện tử cho người dân. Đơn đốc triển khai có hiệu quả hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh góp phần minh bạch trong giao dịch mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông triển khai dịch vụ Mobile Money, phát triển điểm kinh doanh và đơn vị chấp nhận thanh toán để người dân có thể nạp, rút, chuyển tiền và thanh toán bằng tài khoản Mobile Money mà không cần có tài khoản ngân hàng.

- Đầu tư, phát triển hệ thống truyền thanh thông minh trên địa bàn hỗ trợ công tác thông tin, tuyên truyền chuyển đổi số, nâng cao nhận thức của người dân.

- Tạo điều kiện, hỗ trợ, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin cung cấp, triển khai các sản phẩm, dịch vụ số phục vụ các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Ban hành Kế hoạch truyền thông tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Chuyển đổi số tỉnh năm 2025 bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, phù hợp với mục đích, ý nghĩa của Ngày Chuyển đổi số.

- Đa dạng phương thức, nội dung tuyên truyền về chuyển đổi số; nâng cao nhận thức, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về chuyển đổi số đến các hộ gia đình, người dân trên địa bàn.

- Thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn đến toàn thể CBCCVC, người lao động tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia và của tỉnh để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống. Duy trì, vận hành, khai thác và cập nhật tin bài, văn bản cho Chuyên mục chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử huyện.

III. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong CBCCVC và người dân, doanh nghiệp. Thực hiện đa dạng hình thức truyền thông theo truyền thống kết hợp hiện đại để tuyên truyền rộng rãi về các kế hoạch, hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; khuyến khích đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học; triển khai ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân, ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp, tìm kiếm nguồn kinh phí để phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Phối hợp doanh nghiệp bưu chính công ích cung cấp dịch vụ công; tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số.

- Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với phát triển Chính quyền số; rà soát TTHC, quy trình nghiệp vụ trong cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ ứng dụng công nghệ số.

3. Thu hút nguồn lực CNTT

- Thực hiện chính sách đào tạo cán bộ, công chức, viên chức; thu hút nhân lực có trình độ cao về công tác tại địa phương.

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ CNTT.

- Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ của tỉnh.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng CNTT và truyền thông.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

4. Giải pháp bảo đảm an toàn thông tin

- Xác định đảm bảo an toàn thông tin là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, mang tính sống còn của quá trình ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT để đảm bảo hiệu quả hoạt động của Chính quyền điện tử.

- Phối hợp kiểm tra công tác đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT tại các cơ quan hành chính nhà nước. Qua kiểm tra kịp thời chấn chỉnh, hướng dẫn thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin.

- Quan tâm, tạo điều kiện tham dự các lớp đào tạo, tập huấn về an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về CNTT trong các cơ quan nhà nước để nâng cao năng lực, khả năng xử lý khi có sự cố xảy ra.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp nhiệm vụ chi hiện hành và các nguồn hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban ngành, UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện; định kỳ tổng hợp kết quả, kịp thời báo cáo UBND huyện.

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh huyện và các đơn vị có liên xây dựng Kế hoạch tuyên truyền về chuyển đổi số trên địa bàn huyện trình UBND huyện phê duyệt (Quý I/ năm 2025).

- Phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch lập dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch trình UBND phê duyệt.

2. Văn phòng HĐND và UBND huyện

- Chủ trì triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và thanh toán trực tuyến tại bộ phận một cửa huyện và cấp xã; hướng dẫn, theo dõi bộ phận một cửa cấp xã thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ TTHC trực tuyến.

- Tham mưu UBND huyện chỉ đạo đầu tư hạ tầng thiết bị công nghệ thông tin của hệ thống cơ quan chính quyền cấp huyện và cấp xã, đảm bảo đáp ứng yêu cầu triển khai thực tốt xây dựng chính quyền số.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, nhất là kết quả giải quyết TTHC các cấp.

3. Phòng Nội vụ huyện

- Chủ trì, phối hợp Phòng Văn hoá và Thông tin, các ban ngành có liên quan đánh giá, đề xuất Chủ tịch UBND huyện khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện chuyển đổi số. Đồng thời, xem xét trình Chủ tịch UBND huyện đưa nội dung thực hiện chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá phân loại, khen thưởng, kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền đánh giá của Chủ tịch UBND huyện trong năm 2025.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hoá và Thông tin, các ban ngành có liên quan rà soát quy hoạch, bố trí sắp xếp nhân lực đảm nhiệm từ huyện, đến xã. Cử nhân sự tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, an toàn thông tin cho CBCCVC và các đối tượng có liên quan.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

Tham mưu UBND huyện cân đối, bố trí ngân sách để triển khai thực hiện kế hoạch này.

5. Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh huyện

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp nhận thức và hiểu biết về chuyển đổi số, tiện ích các dịch vụ hành chính công trực tuyến để tham gia thực hiện; xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số” hằng tuần phát trên sóng phát thanh huyện; đăng tin, bài trên cổng thông tin điện tử huyện và các ứng dụng mạng xã hội; lồng ghép tuyên truyền về Chuyển đổi số trong các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao để cổ vũ, động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia Chuyển đổi số.

6. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện

Chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội các cấp trực thuộc tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số; cổ vũ và phát động phong trào tham gia chuyển đổi số trong lực lượng thành viên (nhất là lực lượng thanh niên). Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của MTTQ và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội; tiên phong trong các hoạt động như: Thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, bưu chính công ích, tiếp cận và sử dụng các ứng dụng (app) do tỉnh tạo lập và cung cấp (Công dân Sóc Trăng, STV,...) để theo dõi, cập nhật thông tin thời sự, kinh tế - xã hội địa phương phục vụ cho công tác, học tập, lao động và sản xuất.

7. Đề nghị Huyện đoàn

- Chủ trì, phối hợp Phòng Văn hoá và Thông tin, các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Kế hoạch thực hiện số hóa Số hóa các di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp tỉnh trên địa bàn huyện.

- Chỉ đạo các tổ chức Đoàn ở các ấp, xã, thị trấn tham gia Tổ công nghệ số cộng đồng, hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện các nội dung theo Kế hoạch đã đề ra. Đồng thời tuyên truyền, vận động người dân cùng tham gia vào chuyển đổi số của huyện, góp phần đẩy mạnh việc thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

8. Các doanh nghiệp viễn thông

- Là nòng cốt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trong Kế hoạch này.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

9. Các phòng, ban, cơ quan cấp huyện, UBND các xã, thị trấn

Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và nội dung phân công tại Kế hoạch này và chương trình, kế hoạch chuyển đổi số theo hệ thống ngành dọc, đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về phát triển chính quyền số nói riêng và công tác chuyển đổi số nói chung trên địa bàn huyện; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của đơn vị gửi về UBND huyện (thông qua Phòng Văn hóa và Thông tin huyện) chậm nhất ngày **20/01/2025** để tổng hợp, chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức đơn vị mình gương mẫu, đi đầu trong tham gia chuyển đổi số, nhất là ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích khi thực hiện thủ tục hành chính và sử dụng các ứng dụng thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt.

Chủ động nghiên cứu, rà soát, đề xuất về UBND huyện những giải pháp khắc phục những vướng mắc, bất cập khi triển khai thực hiện nhiệm vụ gắn với chuyển đổi số.





PHỤ LỤC

(Kèm theo Kế hoạch số 4419 /KH-UBND ngày 07 /12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách)

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm
I	Công tác tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số				
1	Triển khai, quán triệt nội bộ	Quý I/2025	Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp huyện và cấp xã	Phòng Văn hoá và Thông tin	100% cán bộ, công chức, viên chức được phổ biến nội dung kế hoạch
2	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số trên địa bàn huyện.	Thường xuyên	Phòng Văn hoá và Thông tin; Trung tâm Văn hoá - Thể thao - Truyền thanh huyện	Các phòng, ban ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	- Kế hoạch thực hiện. - Chuyên mục “Chuyển đổi số”, tần số phát sóng 2 lượt/ tuần. - Tin, bài, phóng sự - Thực hiện pa nô, băng rôn,...
II	Thực hiện các mục tiêu năm 2025				
I	Phát triển Chính quyền số				
1.1	100% cán bộ, công chức, viên chức khối chính quyền từ huyện đến xã có tài khoản thư công vụ tỉnh, thường xuyên đăng nhập sử dụng trên hệ thống Quản lý văn bản điều hành và thực hiện tốt việc khai thác sử dụng theo quy định.	Thường xuyên	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Báo cáo định kỳ 06 tháng, năm của Phòng VHHT về UBND huyện

1.2	90% hồ sơ công việc cấp huyện; 70% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	Thường xuyên	Phòng Văn hoá và Thông tin	Cơ quan, ban ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn	Báo cáo định kỳ của Phòng VH TT về UBND huyện
1.3	100% văn bản hành chính (trừ văn bản mật) được gửi nhận bằng văn bản điện tử	Thường xuyên	Phòng Văn hoá và Thông tin	Cơ quan, ban ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn	Báo cáo định kỳ 06 tháng, năm của Phòng VH TT về UBND huyện
1.4	100% CBCCVN có chức danh từ cấp Phó trưởng phòng và tương đương trở lên có chữ ký số và đồng thời thực hiện ký số.	Thường xuyên	Phòng Văn hoá và Thông tin	Cơ quan, ban ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn	Báo cáo định kỳ 06 tháng, năm của Phòng VH TT về UBND huyện
1.5	100% báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy Đảng, chính quyền được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và Chính phủ	Thường xuyên	Văn phòng HDND-UBND huyện	Cơ quan, ban ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn	Báo cáo kết quả hằng quý về UBND huyện
1.6	Phần đầu 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và các hệ thống thông tin của cơ quan.	Thường xuyên	Cơ quan, ban ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn	Cơ quan, ban ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn	Báo cáo kết quả thực hiện hằng quý, 6 tháng, năm về UBND huyện

1.7	Nâng cao hiệu quả hoạt động Công thông tin điện tử huyện	Thường xuyên	Ban biên tập Công TTTDT huyện	Văn phòng HDND-UBND huyện; Phòng VHHT; Trung tâm Văn hoá - Thể thao - Truyền thanh huyện	Báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng, năm về UBND huyện
1.8	Triển khai có hiệu quả các phần mềm ứng dụng cơ bản để phục vụ tốt công tác lãnh đạo, quản lý điều hành của UBND huyện	Thường xuyên	Cơ quan, ban ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn	Văn phòng HDND-UBND huyện; Phòng VHHT	Báo cáo tổng kê các phần mềm ứng dụng.
1.9	Phấn đấu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt tỷ lệ 90% thủ tục hành chính có đủ điều kiện; Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến trung bình đạt 70%; Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%; Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%.	Thường xuyên	Văn phòng HDND-UBND huyện	Cơ quan, ban ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn.	- Kế hoạch cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn huyện năm. - Báo cáo kết quả thực hiện hàng quý, 6 tháng, năm.
1.10	Triển khai thực hiện quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên	Văn phòng HDND-UBND huyện	Cơ quan, ban ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn	- Báo cáo kết quả thực hiện số hóa hồ sơ của các cơ quan hành chính nhà

					nước cấp huyện và UBND xã, thị trấn; - Báo cáo tổng hợp tỷ lệ hồ sơ được số hoá toàn huyện năm .
1.11	Số hóa các di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp tỉnh trên địa bàn huyện, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền bằng mã QR code	Thường xuyên	Huyện đoàn	Cơ quan, ban ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn	- Kế hoạch thực hiện. - Báo cáo kết quả thực hiện hàng quý, 6 tháng, năm.
1.12	90% trở lên máy tính của công chức, viên chức trên địa bàn huyện được cài đặt phần mềm phòng chống, mã độc.	Thường xuyên	Cơ quan, ban ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn	Văn phòng UBND-UBND huyện; Phòng VH TT	Báo cáo thống kê danh sách máy tính CBCVC có cài đặt phần mềm phòng chống, mã độc.
2	Phát triển Kinh tế số				
2.1	Phát triển các mô hình, ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí, hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng dân cư.	Thường xuyên	Cơ quan, ban ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hoá và Thông tin; Các doanh nghiệp viễn thông; ngân hàng trên địa bàn huyện	Báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện
2.2	Rà soát, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn huyện tuyên truyền, quảng bá sản phẩm, thúc đẩy tiêu thụ 100% sản phẩm OCOP của huyện trên môi trường mạng, tích hợp	Thường xuyên	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban ngành; UBND các xã, thị trấn	Báo cáo kết quả thực hiện quý, 6 tháng, năm về UBND huyện

	thông tin sản phẩm hàng hóa lên sản thương mại điện tử				
2.3	100% CBCCVC các cơ quan, đơn vị tiên phong thực hiện thanh toán các dịch vụ thiết yếu như: tiền điện, tiền nước sinh hoạt, tiền cước phí viễn thông, ... bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt để tạo sức lan tỏa, thúc đẩy sự tham gia của người dân	Thường xuyên	Cơ quan, ban ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hoá và Thông tin; Các doanh nghiệp viễn thông, ngân hàng trên địa bàn huyện	Báo cáo tổng kê tỷ lệ CBCCVC tham gia thực hiện
2.4	Phần đầu tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 80%.	Thường xuyên	Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện	Cơ quan, ban ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn	Báo cáo kết quả thực hiện quý, 6 tháng, năm về UBND huyện
2.5	Phần đầu tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.	Thường xuyên	Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện	Cơ quan, ban ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn	Báo cáo kết quả thực hiện quý, 6 tháng, năm về UBND huyện
2.6	100% trung tâm thương mại trên địa bàn huyện; 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng tiên khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách.	Thường xuyên	Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện; Chi cục thuế huyện.	Cơ quan, ban ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn	Báo cáo kết quả thực hiện quý, 6 tháng, năm về UBND huyện

3	Phát triển Xã hội số			
3.1	100% CBCCVC cài đặt trên ứng dụng di động “Công dân Sóc Trăng”, có đăng ký tài khoản để sử dụng, khuyến khích cài đặt các ứng dụng khác của tỉnh; cài đặt, đăng ký và kích hoạt sử dụng VNeID mức 2	Trong năm	Phòng Văn hoá và Thông tin; Công an huyện	Các doanh nghiệp viễn thông; UBND các xã, thị trấn Công văn chỉ đạo của UBND huyện; Báo cáo thống kê về UBND huyện
3.2	Phần đầu 50% người dân cài đặt ứng dụng di động “Công dân Sóc Trăng”, có đăng ký tài khoản ứng dụng trên để sử dụng, khuyến khích cài đặt các ứng dụng khác của tỉnh; Trên 50% người dân có cài đặt, đăng ký và kích hoạt sử dụng VNeID mức 2.	Trong năm	Phòng Văn hoá và Thông tin; Công an huyện	Các doanh nghiệp viễn thông; UBND các xã, thị trấn Báo cáo kết quả thực hiện quý, 6 tháng, năm về UBND huyện
3.3	100% CBCCVC tiên phong đăng ký tài khoản nộp hồ sơ trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia và công tỉnh, có 80% CBCCVC thực hiện nộp hồ sơ TTHC trực tuyến (khi có phát sinh hồ sơ); 100% CBCCVC có tài khoản ngân hàng, có sử dụng các ứng dụng thanh toán trực tuyến, như: VNPT Money, Viettel Money, Mobifone Money, Agribank E-Mobile Banking, ...	Trong năm	Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành cấp huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn	Văn phòng HDND và UBND huyện; Phòng Văn hóa và Thông tin; ngân hàng trên địa bàn huyện Báo cáo thống kê về UBND huyện

3.4	Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%	Trong năm	Trung tâm Y tế huyện	Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành cấp huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn	Báo cáo kết quả thực hiện quý, 6 tháng, năm về UBND huyện
3.5	Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng.	Thường xuyên	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các doanh nghiệp viên thông; UBND các xã, thị trấn	- Kế hoạch hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng. - Báo cáo kết quả hoạt động về UBND huyện/
3.6	Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh và bảng điểm số đối với sinh viên đạt 100%.	Thường xuyên	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	Các trường học trên địa bàn huyện	- Kế hoạch thực hiện. - Báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng, năm về UBND huyện
3.7	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn huyện triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 100%.	Thường xuyên	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	Các cơ sở giáo dục công lập trên toàn huyện	- Kế hoạch thực hiện. - Báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng, năm về UBND huyện
3.8	Phần đầu tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép giao dịch khác đạt 80%.	Thường xuyên	Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện; Các tổ chức tín dụng và ngân hàng trên địa bàn huyện	Các doanh nghiệp viên thông; UBND các xã, thị trấn	- Kế hoạch thực hiện. - Báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng, năm về UBND huyện
3.9	Phần đầu tối thiểu 50% dân số có tài khoản thanh toán điện tử	Thường xuyên	Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT	Các doanh nghiệp viên	Báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng, năm về UBND huyện

			huyện; Các tổ chức tín dụng và ngân hàng trên địa bàn huyện	thông; UBND các xã, thị trấn	
3.10	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%	Thường xuyên	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các doanh nghiệp viên thông; UBND các xã, thị trấn	Báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng, năm về UBND huyện
3.11	100% dịch vụ mạng di động 4G/5G được cung cấp trên toàn huyện	Thường xuyên	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các doanh nghiệp viên thông; UBND các xã, thị trấn	Báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng, năm về UBND huyện
3.12	100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng	Thường xuyên	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các doanh nghiệp viên thông; UBND các xã, thị trấn	Báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng, năm về UBND huyện
3.13	Phần đầu 100% các khám, áp dụng lốm sòng được phủ sòng băng rộng di động.	Thường xuyên	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các doanh nghiệp viên thông; UBND các xã, thị trấn	Báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng, năm về UBND huyện
3.14	Phần đầu tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%	Thường xuyên	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các doanh nghiệp viên thông; UBND các xã, thị trấn	Báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng, năm về UBND huyện
3.15	Phần đầu tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 60%.	Thường xuyên	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các doanh nghiệp viên thông; UBND các xã, thị trấn; Tổ CNSCD	Báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng, năm về UBND huyện

3.16	Phần đầu tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 40%	Thường xuyên	Cơ quan, ban ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn	Văn phòng HDND-UBND huyện ;Phòng Văn hoá và Thông tin; Tổ CNSCD	Báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng, năm về UBND huyện
III	Công tác kiểm tra, giám sát				
1	Kiểm tra, giám sát của cấp UBND huyện đối với các cơ quan, ban ngành; các xã, thị trấn	Quý II, Quý III	Phòng Văn hoá và Thông tin	Văn phòng HDND-UBND huyện; các phòng, ban có liên quan	- Kế hoạch kiểm tra, giám sát. - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát.
2	Tự kiểm tra, giám sát	Thường xuyên trong năm	Thủ trưởng cơ quan, ban ngành cấp huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn		Báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số về UBND huyện.
IV	Sơ kết, tổng kết đánh giá				
1	Sơ kết 6 tháng (Sơ kết bằng văn bản)	Tháng 6/2025	UBND huyện		Báo cáo sơ kết chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2025 của huyện
2	Tổng kết công tác Chuyển đổi số 2025 của huyện	Tháng 12/2025	UBND huyện		Báo cáo tổng kết chuyển đổi số 2025 của huyện